

Số: 995/QĐ-UBND

Đông Thụy Anh, ngày 08 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi đất để giải phóng mặt bằng
thực hiện dự án: Khu công nghiệp VSIP Thái Bình, (giai đoạn 2)
(Đợt 1: Đất thu hồi của 125 hộ gia đình, cá nhân các thôn Tân An, Tân Dũng, Tân
Cường, Tân Trường, Tân Phương, Tri Chỉ Nam, Chi Bò xã Đông Thụy Anh)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THỤY ANH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/06/2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 và Luật số 43/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật số: 87/2025/QH-15 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 1004/QĐ-TTg ngày 29/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ về Chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp VSIP Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 126/QĐ-BQLKKT ngày 22/5/2024 của Ban quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 dự án Khu công nghiệp VSIP Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 803/QĐ-UBND ngày 27/5/2024 của UBND tỉnh Thái Bình về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của UBND huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;

Căn cứ Quyết định số 13/2026/QĐ-UBND ngày 31/3/2026 về việc phân cấp, ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ vào hồ sơ phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu công nghiệp VSIP Thái Bình, Giai đoạn 2 (Đợt 1: Đất thu hồi của 125 hộ gia đình, cá nhân các thôn Tân An, Tân Dũng, Tân Cường, Tân Trường, Tân Phương, Tri Chỉ Nam, Chi Bò xã Đông Thụy Anh) do Trung tâm Phát triển quỹ đất số 2 tỉnh Hưng Yên lập ngày 09/03/2026 và phương án bổ sung ngày 27/03/2026;

Căn cứ Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 07/4/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đông Thụy Anh về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu công nghiệp VSIP Thái Bình Giai đoạn 2 (Đợt 1: Đất thu hồi của 125 hộ gia đình, cá nhân các thôn Tân An, Tân Dũng, Tân Cường, Tân Trường, Tân Phương, Tri Chỉ Nam, Chi Bò xã Đông Thụy Anh);

Xét đề nghị của Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 22/TTr-KT ngày 08/4/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi 279.528 m² (Hai trăm bảy mươi chín nghìn, năm trăm hai mươi tám mét vuông), loại đất theo nguồn gốc sử dụng là đất chuyên trồng lúa nước (LUC) trong đó diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân là 279.528 m², thuộc địa giới hành chính của xã Đông Thụy Anh.

Lý do thu hồi đất: Thu hồi đất theo khoản 22, khoản 31, Điều 79 của Luật Đất đai để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu công nghiệp VSIP Thái Bình.

Vị trí, kích thước khu đất thu hồi được xác định theo các Tờ trích đo địa chính: Tờ TĐ5-2024 Tỷ lệ 1/1000 do Công ty cổ phần Tư vấn kiến trúc và xây dựng Nguyên Trường lập ngày 02/01/2024 và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình (cũ) duyệt ngày 06/02/2024; Tờ TĐ9-2024 Tỷ lệ 1/1000 do Công ty cổ phần Tư vấn kiến trúc và xây dựng Nguyên Trường lập ngày 20/02/2024 và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình (cũ) duyệt ngày 28/02/2024; Tờ TĐ10-2024 Tỷ lệ 1/1000 do Công ty cổ phần Tư vấn kiến trúc và xây dựng Nguyên Trường lập ngày 20/02/2024 và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình (cũ) duyệt ngày 04/03/2024; Tờ TL30-2024 Tỷ lệ 1/1000 do Công ty cổ phần Tư vấn kiến trúc và xây dựng Nguyên Trường lập ngày 02/10/2024 và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình (cũ) duyệt ngày 15/10/2024; Tờ TL32-2024 Tỷ lệ 1/1000 do Công ty cổ phần Tư vấn kiến trúc và xây dựng Nguyên Trường lập ngày 01/10/2024 và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình (cũ) duyệt ngày 21/10/2024.

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, tổ chức thực hiện việc thu hồi đất, cụ thể như sau:

1. Văn phòng HĐND-UBND xã Đông Thụy Anh có trách nhiệm giao Quyết định này cho các hộ gia đình, cá nhân theo danh sách kèm theo tại điều 1; trường hợp các hộ gia đình, cá nhân có tên trong danh sách không nhận Quyết định này hoặc vắng mặt thì phải lập biên bản; niêm yết Quyết định này tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đông Thụy Anh và tại nhà văn hóa các thôn Tân An, Tân Dũng, Tân





BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH ĐẤT THU HỒI
DỰ ÁN: KHU CÔNG NGHIỆP VSIP THÁI BÌNH
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH VSIP THÁI BÌNH
ĐỊA ĐIỂM: XÃ ĐÔNG THỤY ANH, TỈNH HƯNG YÊN

(Giai đoạn 2, Đợt 1: Đất thu hồi của 125 hộ gia đình, cá nhân các thôn Tân An, Tân Dũng, Tân Cường, Tân Trường, Tân Phương, Tri Chi Nam, Chi Bò xã Đông Thụy Anh)

Các tờ trích đo địa chính khu đất: TĐ5-2024 Tỷ lệ 1/1000; Tờ TĐ9-2024 Tỷ lệ 1/1000; Tờ TĐ10-2024 Tỷ lệ 1/1000; Tờ TL30-2024 Tỷ lệ 1/1000; Tờ TL32-2024 Tỷ lệ 1/1000

(Kèm theo Quyết định số 995/QĐ-UBND ngày 08/4/2026 của UBND xã Đông Thụy Anh, tỉnh Hưng Yên)

STT	Họ tên	Số CCCD	Địa chỉ	Tờ bản đồ TL, TĐ	Số thửa đất	Loại đất		Diện tích thu hồi theo hiện trạng TLDC (m2)	Diện tích thu hồi ảnh hưởng (m²)	Tổng diện tích thu hồi phục vụ dự án	Ghi chú
						Theo TLĐC	Theo giao ổn định (652, 948), GCNQS Đ đất				
A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K=I+J	L
1	Đào Quang Thắng	034078027611	Thôn Tân An	TĐ-10/2024	128	NKH	LUC	321,1		2.612,0	
		TĐ-10/2024		129	NTS	2.290,9					
2	Lê Tất Bảo	034073011732	Thôn Tân An	TĐ-10/2024	229	NTS	LUC	308,0		2.155,0	
		TĐ-10/2024		230	BHK	167,2					
		TĐ-10/2024		232	NTS	1.407,5					
		TĐ-10/2024		235	BHK	272,3					
3	Lê Tất Hiếu	034071008789	Thôn Tân An	TĐ-10/2024	229	NTS	LUC	1.306,0		1.306,0	
4	Lê Tất Hùng	034062022384	Thôn Tân An	TĐ-10/2024	139	CLN	LUC	674,8		2.689,0	
		TĐ-10/2024		140	NKH	353,6					
		TĐ-10/2024		141	NTS	1.660,6					
5	Lê Tất Thân	034069011138	Thôn Tân An	TĐ-10/2024	228	BHK	LUC	850,4		2.036,0	
		034172017247		TĐ-10/2024	229	NTS		235,5			
				TĐ-10/2024	230	BHK		588,4			
				TĐ-10/2024	231	NKH		263,7			
				TĐ-10/2024	232	NTS		98,0			
6	Lê Tất Thu	034066015808	Thôn Tân An	TĐ-10/2024	358	CLN	LUC	610,3		2.036,0	
		034165022248		TĐ-10/2024	359	NTS		844,3			
				TĐ-10/2024	360	NKH		581,4			
7	Mai Công Lơ (chết), vợ Phạm Thị Ngoan đại diện	034165013849	Thôn Tân An	TĐ-10/2024	276	BHK	LUC	2.113,0		2.113,0	
8	Mai Công Thảo	034064002306	Thôn Tân An	TĐ-10/2024	227	NTS	LUC	1.306,0		1.306,0	
9	Mai Công Tía	034069014361	Thôn Tân An	TĐ-10/2024	237	BHK	LUC	2.036,0		2.036,0	
10	Mai Công Tiu	034055002831	Thôn Tân An	TĐ-10/2024	240	NTS	LUC	1.959,0		1.959,0	
11	Mai Đăng Gắng	034063021751	Thôn Tân An	TĐ-10/2024	233	CLN	LUC	435,7		2.612,0	
				TĐ-10/2024	234	NKH		162,8			
				TĐ-10/2024	235	BHK		2.013,5			
12	Mai Ngọc Dương	034074021007	Thôn Tân An	TĐ-10/2024	217	NKH	LUC	200,0		2.612,0	
				TĐ-10/2024	218	NTS		1.189,8			
				TĐ-10/2024	219	NKH		247,7			
				TĐ-10/2024	221	BHK		974,5			
13	Mai Ngọc Phở (chết), con trai Mai Ngọc Phở đại diện	034076001106	Thôn Tân An	TĐ-10/2024	288	BHK	LUC	1.617,5		3.995,0	
				TĐ-10/2024	289	NKH		709,3			
				TĐ-10/2024	290	NTS		1.668,2			
14	Mai Thị Dắt (chết), con trai Lê Tất Chiếm	034081011942	Thôn Tân An	TĐ-10/2024	192	BHK	LUC	2.389,4		4.226,0	
				TĐ-10/2024	193	NTS		1.836,6			
15	Mai Thị Thiên (đã chết), Con trai Nguyễn Lịch Sử nhận thừa kế	034057004299	Thôn Tân An	TĐ-10/2024	170	NTS	LUC	653,0		653,0	
16	Mai Thị Thuý	034159024333	Thôn Tân An	TĐ-10/2024	216	NTS	LUC	1.897,1		1.959,0	
				TĐ-10/2024	220	BHK		61,9			

STT	Họ tên	Số CCCD	Địa chỉ	Tờ bản đồ TL,TD	Số thửa đất	Loại đất		Diện tích thu hồi theo hiện trạng TLDC (m ²)	Diện tích thu hồi ảnh hưởng (m ²)	Tổng diện tích thu hồi phục vụ dự án	Ghi chú
						Theo TLDC	Theo giao ổn định (652, 948), GCNQSD đất				
A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K=I+J	L
17	Nguyễn Bá Duy	034050009098	Thôn Tân An	TĐ-10/2024	291	NTS		982,3		3.188,0	
				TĐ-10/2024	292	BHK	LUC	1.058,2			
				TĐ-10/2024	293	BHK		1.147,5			
18	Nguyễn Thế Thủy	034058009762	Thôn Tân An	TĐ-10/2024	163	NTS	LUC	751,2		1.478,0	
				TĐ-10/2024	168	NTS		726,8			
19	Nguyễn Thị Ríp (chết), Con trai Mai Công	034071022392 034074001375	Thôn Tân An	TĐ-10/2024	158	NTS	LUC	2.044,0		2.697,0	
				TĐ-10/2024	159	NTS		653,0			
20	Nguyễn Thiên Bao	034167016864	Thôn Tân An	TĐ-10/2024	312	BHK	LUC	653,0		2.689,0	
				TĐ-10/2024	313	NTS		241,9			
				TĐ-10/2024	314	NKH		312,5			
				TĐ-10/2024	315	BHK		976,3			
				TĐ-10/2024	316	NKH		505,3			
21	Nguyễn Thụ Hoành (đã chết), vợ Mai Thị Thủy đại diện	034177004106	Thôn Tân An	TĐ-10/2024	160	NKH	LUC	235,9		1.383,0	
				TĐ-10/2024	165	NTS		720,0			
				TĐ-10/2024	166	CLN		204,0			
				TĐ-10/2024	167	NKH		223,1			
22	Nguyễn Văn Huy	034061001765	Thôn Tân An	TĐ-10/2024	169	NTS	LUC	2.709,6		3.188,0	
				TĐ-10/2024	170	NTS		478,4			
23	Nguyễn Văn Tê	034054007150	Thôn Tân An	TĐ-10/2024	312	BHK	LUC	1.284,1		1.800,0	
				TĐ-10/2024	313	NTS		515,9			
24	Phạm Thị Nụ	034161015612	Thôn Tân An	TĐ-10/2024	274	NTS	LUC	2.723,2		3.265,0	
				TĐ-10/2024	275	BHK		541,8			
25	Phạm Văn Thắng	034071004099	Thôn Tân An	TĐ-10/2024	108	CLN	LUC	703,7		2.689,0	
				TĐ-10/2024	109	NKH		144,8			
				TĐ-10/2024	110	CLN		985,7			
				TĐ-10/2024	111	NTS		854,8			
26	Phạm Văn Thương	034073009520	Thôn Tân An	TĐ-10/2024	111	NTS	LUC	653,0		653,0	
27	Trần Văn Dương	034081004886	Thôn Tân An	TĐ-10/2024	270	BHK	LUC	88,3		2.612,0	
				TĐ-10/2024	271	NKH		1.045,2			
				TĐ-10/2024	272	BHK		214,6			
				TĐ-10/2024	273	NTS		280,6			
				TĐ-10/2024	274	NTS		564,7			
				TĐ-10/2024	275	BHK		418,6			
28	Bùi Sỹ Đà	034055009133	Thôn Tân Trường	TĐ-10/2024	120	NTS	LUC	1.049,6		3.841,0	
				TĐ-10/2024	121	NTS		613,3			
				TĐ-10/2024	122	NKH		85,6			
				TĐ-10/2024	123	NKH		198,0			
				TĐ-10/2024	124	BHK		1.894,5			
29	Lâm Thiên Ngưng	034050002157	Thôn Tân Trường	TĐ-10/2024	243	BHK	LUC	235,1		3.265,0	
				TĐ-10/2024	244	NTS		3.029,9			
30	Mai Công Đa (Chết), vợ Nguyễn Thị Bùng đại diện	034155004191	Thôn Tân Trường	TĐ-10/2024	131	BHK	LUC	3.034,2		4.392,0	
				TĐ-10/2024	132	NTS		869,0			
				TĐ-10/2024	133	NKH		488,8			
31	Mai Công Hương (chết), vợ Bùi Thị Thanh đại diện	034141006902	Thôn Tân Trường	TĐ-10/2024	236	NKH	LUC	211,0		1.959,0	
				TĐ-10/2024	237	BHK		280,2			
				TĐ-10/2024	238	NKH		125,5			
				TĐ-10/2024	239	NTS		845,1			
				TĐ-10/2024	240	NTS		497,2			
32	Mai Văn Đô (đã chết), vợ Phạm Thị Lựu đại	034045007861	Thôn Tân Trường	TĐ-10/2024	168	NTS	LUC	1.959,0		2.612,0	
				TĐ-10/2024	170	NTS		653,0			
33	Mai Văn Ký	034063023980	Thôn Tân Trường	TĐ-10/2024	184	NKH	LUC	444,5		3.841,0	
				TĐ-10/2024	186	BHK		1.417,1			
				TĐ-10/2024	187	CLN		635,7			
				TĐ-10/2024	188	NTS		1.343,7			
34	Nguyễn Sĩ Tuyển	034055001074	Thôn Tân Trường	TĐ-10/2024	256	BHK	LUC	1.183,1		4.494,0	
				TĐ-10/2024	259	NTS		1.690,8			
				TĐ-10/2024	262	LUC		1.231,0			
				TĐ-10/2024	263	NKH		389,1			
35	Nguyễn Sỹ Chính	034050005085 034151013762	Thôn Tân Trường	TĐ-10/2024	180	NTS	LUC	1.621,3		1.959,0	
				TĐ-10/2024	183	NTS		337,7			
36	Nguyễn Sỹ Chồng đã (chết), con trai Nguyễn Sỹ Văn đại diện	034160022333	Thôn Tân Trường	TĐ-10/2024	195	NKH	LUC	106,9		2.689,0	
				TĐ-10/2024	196	NTS		2.184,8			
				TĐ-10/2024	197	CLN		342,7			
				TĐ-10/2024	194	BHK		54,6			
37	Nguyễn Sỹ Chuẩn	066166004169	Thôn Tân Trường	TĐ-10/2024	194	BHK	LUC	1.959,0		1.959,0	

STT	Họ tên	Số CCCD	Địa chỉ	Tờ bản đồ TL,TD	Số thửa đất	Loại đất		Diện tích thu hồi theo hiện trạng TLDC (m ²)	Diện tích thu hồi ảnh hưởng (m ²)	Tổng diện tích thu hồi phục vụ dự án	Ghi chú
						Theo TLĐC	Theo giao ổn định (652, 948), GCNQSD đất				
A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K=I+J	L
38	Nguyễn Văn Hải (chết), vợ Vũ Thị Tư	034166014885	Thôn Tân Trường	TD-10/2024	96	BHK	LUC	55,8		1.490,0	
				TD-10/2024	97	BHK		1.434,2			
39	Nguyễn Viết Thắng	034056011146	Thôn Tân Trường	TD-10/2024	189	NKH	LUC	353,5		3.265,0	
				TD-10/2024	190	BHK		1.541,2			
				TD-10/2024	191	NTS		1.370,3			
40	Vũ Đức Quân	034071007045	Thôn Tân Trường	TD-10/2024	178	NKH	LUC	399,5		3.900,0	
				TD-10/2024	179	BHK		747,0			
				TD-10/2024	181	BHK		2.124,0			
				TD-10/2024	183	NTS		629,5			
41	Vũ Thị Hạnh	034174016629	Thôn Tân Trường	TD-10/2024	182	CLN	LUC	491,4		2.036,0	
				TD-10/2024	183	NTS		1.190,5			
				TD-10/2024	185	CLN		354,1			
42	Vũ Quang Doanh	034066007093	Thôn Tân Trường	TD-10/2024	198	BHK	LUC	589,9		2.612,0	
				TD-10/2024	199	NKH		1.313,1			
				TD-10/2024	200	NTS		709,0			
43	Lâm Thị Vin (chết), con gái Mai Thị Thìn	034170016424	Thôn Tân Dũng	TD-10/2024	307	BHK	LUC	1.158,0		1.882,0	
				TD-10/2024	310	NTS		724,0			
44	Lâm Thiên Trình (chết), vợ Mai Thị Na đại diện	034162012675	Thôn Tân Dũng	TD-10/2024	349	NKH	LUC	254,1		4.571,0	
				TD-10/2024	350	NTS		792,3			
				TD-10/2024	351	BHK		911,8			
				TD-10/2024	352	NKH		211,3			
				TD-10/2024	353	NTS		2.159,2			
				TD-10/2024	354	NKH		242,3			
45	Lê Thanh Khang	034054016218	Thôn Tân Dũng	TD-10/2024	251	BHK	LUC	1.959,0		1.959,0	
46	Lê Thị Liễn (chết), con trai Nguyễn Thế	034172018567	Thôn Tân Dũng	TD-10/2024	306	NTS	LUC	1.936,7		1.959,0	
				TD-10/2024	307	BHK		22,3			
47	Mai Thạch Phương	034160002218	Thôn Tân Dũng	TD-10/2024	222	BHK	LUC	1.652,9		3.265,0	
				TD-10/2024	223	NTS		1.250,1			
				TD-10/2024	224	NKH		362,0			
48	Mai Thị Nin	034155013828	Thôn Tân Dũng	TD-10/2024	310	NTS	LUC	653,0		653,0	
49	Mai Thị Thập (chết), con trai Nguyễn Văn Dương đại diện	034070005571	Thôn Tân Dũng	TD-10/2024	294	BHK	LUC	710,3		1.882,0	
				TD-10/2024	295	BHK		429,3			
				TD-10/2024	298	NTS		742,4			
50	Nguyễn Đắc Viên	034045001478	Thôn Tân Dũng	TD-10/2024	223	NTS	LUC	1.786,8		3.841,0	
				TD-10/2024	225	BHK		1.047,1			
				TD-10/2024	226	BHK		795,8			
				TD-10/2024	227	NTS		211,3			
51	Nguyễn Thế Hữu	034172018567	Thôn Tân Dũng	TD-10/2024	303	NKH	LUC	334,2		1.959,0	
				TD-10/2024	304	CLN		411,0			
				TD-10/2024	305	NKH		171,9			
				TD-10/2024	308	NKH		444,2			
				TD-10/2024	309	BHK		537,2			
				TD-10/2024	311	NKH		60,5			
52	Nguyễn Thị Mai	034164024753	Thôn Tân Dũng	TD-10/2024	175	BHK	LUC	177,1		1.306,0	
				TD-10/2024	176	NTS		1.128,9			
53	Nguyễn Thị Mền	034160018671	Thôn Tân Dũng	TD-10/2024	300	NTS	LUC	1.409,2		2.535,0	
				TD-10/2024	301	BHK		888,9			
				TD-10/2024	302	BHK		236,9			
54	Nguyễn Thị Suyên (chết), con trai Nguyễn Văn Muồng nhận thừa kế	034060026345	Thôn Tân Dũng	TD-10/2024	282	BHK	LUC	653,0		653,0	
55	Nguyễn Thụ Hòa	034062007175	Thôn Tân Dũng	TD-10/2024	154	NKH	LUC	339,2		2.689,0	
				TD-10/2024	155	CLN		361,0			
				TD-10/2024	156	NKH		50,1			
				TD-10/2024	157	CLN		300,3			
				TD-10/2024	158	NTS		1.638,4			
56	Nguyễn Thụ Xưa	034059006027	Thôn Tân Dũng	TD-10/2024	174	BHK	LUC	653,0		653,0	
57	Nguyễn Văn Dương	034070005571	Thôn Tân Dũng	TD-10/2024	295	BHK	LUC	231,3		2.036,0	
				TD-10/2024	296	NKH		470,1			
				TD-10/2024	297	NKH		64,0			
				TD-10/2024	299	BHK		173,2			
				TD-10/2024	300	NTS		444,4			
				TD-10/2024	302	BHK		653,0			
		034075015153		TD-10/2024	171	BHK		653,0			

STT	Họ tên	Số CCCD	Địa chỉ	Tờ bản đồ TL, TĐ	Số thửa đất	Loại đất		Diện tích thu hồi theo hiện trạng TLDC (m ²)	Diện tích thu hồi ảnh hưởng (m ²)	Tổng diện tích thu hồi phục vụ dự án	Ghi chú
						Theo TLĐC	Theo giao ổn định (652, 948), GCNQS Đ đất				
A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K=I+J	L
58	Nguyễn Xuân Nam		Thôn Tân Dũng	TĐ-10/2024	171	BHK		165,3		2.036,0	
				TĐ-10/2024	172	NKH	LUC	166,6			
				TĐ-10/2024	173	NKH		109,1			
				TĐ-10/2024	175	BHK		942,0			
59	Phạm Văn Muồng	034060026345	Thôn Tân Dũng	TĐ-10/2024	326	BHK		551,1		2.612,0	
				TĐ-10/2024	327	NKH	LUC	156,8			
				TĐ-10/2024	328	NTS		1.904,1			
60	Phạm Văn Xứng	034054007097	Thôn Tân Dũng	TĐ-10/2024	280	BHK		820,1		1.440,0	
				TĐ-10/2024	281	NTS	LUC	253,5			
				TĐ-10/2024	282	BHK		366,4			
61	Vũ Công Đoàn	034071003280	Thôn Tân Dũng	TĐ-10/2024	277	BHK		1.599,9		3.841,0	
				TĐ-10/2024	278	NKH	LUC	525,1			
				TĐ-10/2024	279	NTS		1.716,0			
62	Vũ Công Ngọc (đã chết), Con trai Vũ	034052002563	Thôn Tân Dũng	TĐ-10/2024	176	NTS		738,1		1.306,0	
				TĐ-10/2024	177	CLN	LUC	567,9			
63	Vũ Phú Kê, Bùi Thị Bạ	034149001120	Thôn Tân Dũng	TĐ-10/2024	246	BHK		679,8		3.188,0	
				TĐ-10/2024	249	CLN	LUC	334,8			
				TĐ-10/2024	250	BHK		1.139,8			
				TĐ-10/2024	251	BHK		1.033,6			
64	Bùi Thị Huệ	034070	Thôn Tân Cường	TĐ-10/2024	201	BHK		1.137,7		2.500,0	
				TĐ-10/2024	202	NTS	LUC	489,1			
				TĐ-10/2024	203	BHK		873,2			
65	Bùi Thị Nôn	034139005563	Thôn Tân Cường	TĐ-10/2024	118	NTS	LUC	1.306,0		1.306,0	
66	Đỗ Xuân Thiêm	034057005554 034158015322	Thôn Tân Cường	TĐ-10/2024	264	CLN		640,5		1.440,0	
				TĐ-10/2024	265	NTS	LUC	799,5			
67	Đồng Thị Năm	034175012571	Thôn Tân Cường	TĐ-10/2024	208	BHK	LUC	807,0		807,0	
68	Lê Ngọc Tuyền	034066017515	Thôn Tân Cường	TĐ-10/2024	134	NTS		1.294,9		1.969,0	
				TĐ-10/2024	135	NTS	LUC	483,4			
				TĐ-10/2024	136	NKH		190,7			
69	Lê Quang Bình (chết), con gái Lê Thị Liên đại diện	034179006790	Thôn Tân Cường	TĐ-10/2024	268	BHK		117,8		1.800,0	
				TĐ-10/2024	269	BHK	LUC	1.038,8			
				TĐ-10/2024	270	BHK		643,4			
70	Lê Quang Hoà	034062021036	Thôn Tân Cường	TĐ-10/2024	265	NTS		1.180,8		2.612,0	
				TĐ-10/2024	266	CLN	LUC	1.431,2			
71	Lê Quang Phá (chết), con trai Lê Văn Hoan đại diện	034083019782	Thôn Tân Cường	TĐ-10/2024	117	NKH		985,9		2.612,0	
				TĐ-10/2024	118	NTS	LUC	530,0			
				TĐ-10/2024	119	BHK		1.096,1			
72	Mai Công Phòng, Vũ Thị Sáu	034175020332	Thôn Tân Cường	TĐ-10/2024	317	NKH		234,1		1.959,0	
				TĐ-10/2024	318	CLN	LUC	323,2			
				TĐ-10/2024	319	NTS		1.401,7			
73	Mai Đức Lựu	034068018409	Thôn Tân Cường	TĐ-10/2024	245	CLN		900,0		3.342,0	
				TĐ-10/2024	247	NKH	LUC	639,6			
				TĐ-10/2024	248	NTS		1.679,6			
				TĐ-10/2024	249	CLN		122,8			
74	Mai Đức Viên	034062014217	Thôn Tân Cường	TĐ-10/2024	362	BHK		260,5		462,0	
				TĐ-10/2024	363	NKH	LUC	201,5			
75	Mai Ngọc Lê	034068006273	Thôn Tân Cường	TĐ-10/2024	214	BHK		648,2		2.036,0	
				TĐ-10/2024	215	NKH	LUC	268,0			
				TĐ-10/2024	220	BHK		1.119,8			
76	Mai Thị Na	031165010349	Thôn Tân Cường	TĐ-10/2024	206	BHK	LUC	2.036,0		2.036,0	
77	Nguyễn Quang Nhâm (chết), con trai Nguyễn Quang Hạnh đại diện	034166010831	Thôn Tân Cường	TĐ-10/2024	112	NKH		191,3		1.892,0	
				TĐ-10/2024	115	NTS	LUC	942,9			
				TĐ-10/2024	116	BHK		757,8			
78	Nguyễn Quang Phúc	034058019156 034158017082	Thôn Tân Cường	TĐ-10/2024	112	NKH		139,0		2.329,0	
				TĐ-10/2024	113	NTS	LUC	844,5			
				TĐ-10/2024	114	BHK		1.345,5			
79	Nguyễn Thế Lý	034069011695	Thôn Tân Cường	TĐ-10/2024	252	BHK		1.341,0		2.689,0	
				TĐ-10/2024	254	NTS	LUC	1.348,0			
				TĐ-10/2024	253	NKH		373,8			
80	Nguyễn Thị Đệp	034160001684	Thôn Tân Cường	TĐ-10/2024	254	NTS		818,7		1.959,0	
				TĐ-10/2024	255	CLN	LUC	766,5			
81	Nguyễn Thị Nhẫn	034176003797	Thôn Tân Cường	TĐ-10/2024	207	BHK	LUC	576,0		576,0	

STT	Họ tên	Số CCCD	Địa chỉ	Tờ bản đồ TL,ĐĐ	Số thửa đất	Loại đất		Diện tích thu hồi theo hiện trạng TLDC (m ²)	Diện tích thu hồi ảnh hưởng (m ²)	Tổng diện tích thu hồi phục vụ dự án	Ghi chú
						Theo TLDC	Theo giao ổn định (652, 948), GCNQSD đất				
A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K=I+J	L
82	Nguyễn Văn Chuẩn	034074190001	Thôn Tân Cường	TĐ-10/2024	99	NTS	LUC	4,4		1.383,0	
				TĐ-10/2024	100	BHK		784,9			
				TĐ-10/2024	102	NKH		198,1			
				TĐ-10/2024	388	BHK		395,6			
83	Nguyễn Văn Chuẩn	034172021675	Thôn Tân Cường	TĐ-10/2024	98	NKH	LUC	199,9		2.036,0	
				TĐ-10/2024	99	NTS		1.612,3			
				TĐ-10/2024	386	NKH		109,4			
				TĐ-10/2024	387	CLN		114,4			
84	Nguyễn Văn Chuẩn	034072017445	Thôn Tân Cường	TĐ-10/2024	99	NTS	LUC	730,0		730,0	
85	Nguyễn Xuân Tho (Chết), con trai Nguyễn Xuân Thành đại diện	034073004686	Thôn Tân Cường	TĐ-10/2024	266	CLN	LUC	997,5		2.612,0	
				TĐ-10/2024	267	CLN		658,2			
				TĐ-10/2024	268	BHK		956,3			
86	Phạm Đức Thái	034070025380 034174011132	Thôn Tân Cường	TĐ-10/2024	105	NKH	LUC	159,7		2.612,0	
				TĐ-10/2024	106	NTS		1.977,6			
				TĐ-10/2024	107	BHK		474,7			
87	Phạm Văn Cống	034065014682	Thôn Tân Cường	TĐ-10/2024	356	NKH	LUC	71,8		1.306,0	
				TĐ-10/2024	357	BHK		1.234,2			
88	Trần Thị Ngân	034173005916	Thôn Tân Cường	TĐ-10/2024	205	BHK	LUC	653,0		653,0	
89	Trần Văn Tuấn (chết), vợ Nguyễn Thị Đăng đại diện	034162002421	Thôn Tân Cường	TĐ-10/2024	324	NTS	LUC	1.606,6		2.689,0	
				TĐ-10/2024	325	NKH		173,2			
				TĐ-10/2024	323	BHK		909,2			
90	Vũ Quang Vạn	034074009627 034181023860	Thôn Tân Cường	TĐ-10/2024	241	NKH	LUC	530,6		2.612,0	
				TĐ-10/2024	242	NKH		77,1			
				TĐ-10/2024	243	BHK		2.004,3			
91	Vũ Thị Thắm	034169018713	Thôn Tân Cường	TĐ-10/2024	96	BHK	LUC	1.460,0		1.460,0	
92	Vũ Thị Thu Phương	034172017012	Thôn Tân Cường	TĐ-10/2024	204	BHK	LUC	1.959,0		1.959,0	
93	Lê Tất Hưng	034046001628	Thôn Tân Phương	TĐ-10/2024	159	NTS	LUC	319,6		1.440,0	
				TĐ-10/2024	161	NKH		288,5			
				TĐ-10/2024	164	NTS		831,9			
94	Lê Thị Dịch	034162020609	Thôn Tân Phương	TĐ-10/2024	125	NKH	LUC	63,2		1.921,0	
				TĐ-10/2024	126	NKH		52,1			
				TĐ-10/2024	127	BHK		1.464,0			
				TĐ-10/2024	128	BHK		119,8			
				TĐ-10/2024	130	BHK		221,9			
				TĐ-10/2024	338	NKH		380,2			
95	Mai Ngọc Dự, Nguyễn Thị Diên	034072008529	Thôn Tân Phương	TĐ-10/2024	340	BHK	LUC	901,7		1.383,0	
				TĐ-10/2024	341	NKH		82,7			
				TĐ-10/2024	342	CLN		18,4			
				TĐ-10/2024	329	BHK		435,5			
96	Mai Ngọc Hoà	034068004015	Thôn Tân Phương	TĐ-10/2024	330	NKH	LUC	135,1		2.036,0	
				TĐ-10/2024	331	NTS		1.465,4			
				TĐ-10/2024	333	NKH		427,5			
97	Mai Ngọc Mi	034070003641	Thôn Tân Phương	TĐ-10/2024	334	BHK	LUC	148,2		2.036,0	
				TĐ-10/2024	335	NTS		1.375,0			
				TĐ-10/2024	336	NKH		85,3			
98	Mai Thị Chùng	034150004392	Thôn Tân Phương	TĐ-10/2024	132	NTS	LUC	569,0		569,0	
99	Vũ Thị Vàng (đã chết), con gái Vũ Thị Hà nhận thừa kế		Thôn Tân Phương	TĐ-10/2024	284	BHK	LUC	591,6		1.229,0	
				TĐ-10/2024	285	BHK		637,4			
100	Vũ Tam Đạt	034041001004	Thôn Tân Phương	TĐ-10/2024	285	BHK	LUC	479,8		1.882,0	
				TĐ-10/2024	286	NTS		1.146,1			
				TĐ-10/2024	287	BHK		256,1			
101	Vũ Trọng Khanh	034059002902	Thôn Tân Phương	TĐ-10/2024	283	BHK	LUC	976,9		1.306,0	
				TĐ-10/2024	284	BHK		329,1			
102	Vũ Quang Trường, Đồng Thị Thanh	034079010316	Thôn Tri Chi Nam	TĐ-09/2024	165	NTS	LUC	2.121,1		2.121,1	
				TĐ-09/2024	166	BHK	LUC	451,5			
				TĐ-09/2024	170	BHK	LUC	1.936,4			

STT	Họ tên	Số CCCD	Địa chỉ	Tờ bản đồ TL,ĐB	Số thửa đất	Loại đất		Diện tích thu hồi theo hiện trạng TLDC (m2)	Diện tích thu hồi ảnh hưởng (m²)	Tổng diện tích thu hồi phục vụ dự án	Ghi chú
						Theo TLĐC	Theo giao ổn định (652, 948), GCNQSD đất				
A	B	C	D	E	F	G	H	I	J	K=I+J	L
103	Vũ Quang Sơn (chết) vợ Nguyễn Thị Thủy đại diện	034184012203	Thôn Tri Chi Nam	TĐ-09/2024	111	NKH	LUC	725,8		725,8	
		167			NTS	LUC	466,4		466,4		
		168			NKH	LUC	818,9		818,9		
		169			NTS	LUC	3.545,5		3.545,5		
		TL-32			15	NTS	LUC	189,4		189,4	
104	Lê Xuân Khương, Đồng Thị Xuyên	034074008053	Thôn Chi Bò	TL-30	1	LUC	LUC	1.225,0		1.225,0	
105	Đồng Như Nin, Nguyễn Thị Nga	034059005500	Thôn Chi Bò	TĐ-09/2024	192	NTS	LUC	511,8		511,8	
		TĐ-09/2024		194	NTS	LUC	1.388,8		1.388,8		
		TĐ-09/2024		212	NKH	LUC	134,7		134,7		
		TĐ-09/2024		213	NKH	LUC	69,9		69,9		
		TĐ-09/2024		193	NKH	LUC	108,8		108,8		
106	Đồng Như Kiều (chết) vợ Bùi Thị Thủy đang sử dụng	034147009452	Thôn Chi Bò	TL-30	2	LUC	LUC	1.195,0		1.195,0	
107	Bùi Hữu Khiên, Nguyễn Thị Tựa	034058015966	Thôn Chi Bò	TL-30	3	LUC	LUC	1.195,0		1.195,0	
108	Bùi Hữu Năng (chết) vợ Vũ Thị Vóc đang sử dụng	034159011060	Thôn Chi Bò	TL-30	4	LUC	LUC	708,0		708,0	
109	Vũ Trọng Xương, Lâm Thị Liệu	034067012056	Thôn Chi Bò	TL-30	5	LUC	LUC	508,0		508,0	
110	Bùi Minh Dương (chết) vợ Vũ Thị Nga đang sử dụng	151091418	Thôn Chi Bò	TL-30	6	LUC	LUC	200,0		200,0	
111	Bùi Xuân Diên (chết) vợ Trần Thị Nguyên đang sử dụng	034159004904	Thôn Chi Bò	TL-30	7	LUC	LUC	605,0		605,0	
112	Vũ Thị Va, Lê Xuân Thanh	034061001983	Thôn Chi Bò	TL-30	8	LUC	LUC	605,0		605,0	
113	Lê Thị Béo, Nguyễn Đức Tổ	034147009959	Thôn Chi Bò	TL-30	9	LUC	LUC	1.003,4	56,6	1.060,0	
114	Mai Văn Xoa, Phạm Duy Thái	034171005919	Thôn Chi Bò	TL-30	63	CLN	LUC	565,8	760,2	1.326,0	
115	Phạm Thị Bờ	034147001901	Thôn Chi Bò	TL-30	61	NKH	LUC	342,3		342,3	
				TL-30	63	CLN	LUC	10,0	89,7	99,7	
116	Phạm Bá Kết, Lê Thị Át	34062015259	Thôn Chi Bò	TL-30	70	NTS	LUC	219,9		219,9	
		TL-30		71	NTS	LUC	164,7		164,7		
		TL-30		72	CLN	LUC	4.100,5		4.100,5		
		TL-30		73	NTS	LUC	661,9		661,9		
		TL-30		74	HNK	LUC	2.332,7		2.332,7		
		TL-30		75	NTS	LUC	673,1		673,1		
		TĐ-05		100	NTS	LUC	924,0		924,0		
		TĐ-05		101	NTS	LUC	766,6		766,6		
		TĐ-05/2024		124	NKH	LUC	551,6		551,6		
117	Nguyễn Cao Khu(chết) vợ Vũ Thị Nhung đang sử dụng	034161003817	Thôn Chi Bò	TĐ-05/2024	15	LUC	LUC	607,7	116,3	724,0	
118	Lê Thị Huệ, Nguyễn Ngọc Sinh	034178002563	Thôn Chi Bò	TĐ-05/2024	17	LUC	LUC	468,0		468,0	
119	Bùi Hữu Tuyên, Nguyễn Thị Thuần	034051001752	Thôn Chi Bò	TĐ-09/2024	179	NTS	LUC	9.562,0		9.562,0	
				TL-32	16	LUC	LUC	1.918,0		1.918,0	
120	Nguyễn Cao Tráng, Lê Thị Liên	034164018773	Thôn Chi Bò	TĐ-09/2024	181	NTS	LUC	3.176,0		3.176,0	
121	Lê Thị Phương, Bùi Anh Bình	034168015590	Thôn Chi Bò	TĐ-09/2024	181	NTS	LUC	3.962,0		3.962,0	
122	Lê Thị Hạnh	34170003522	Thôn Chi Bò	TĐ-09/2024	181	NTS	LUC	1.905,0		1.905,0	
123	Nguyễn Thị Tèo	34158006515,0	Thôn Chi Bò	TĐ-09/2024	188	LUC	LUC	588,0		588,0	
124	Nguyễn Văn Khôi (chết) vợ Nguyễn Thị	34150021138	Thôn Chi Bò	TĐ-09/2024	188	LUC	LUC	1,4		1,4	
				TĐ-09/2024	189	LUC	LUC	1.392,6		1.392,6	
125	Mai Văn Ngón(chết) vợ Nguyễn Thị Thanh đang sử dụng	34168007459	Thôn Chi Bò	TĐ-09/2024	190	NKH	LUC	1.537,6		1.537,6	
				TĐ-09/2024	191	NTS	LUC	1.449,9		1.449,9	
				TĐ-09/2024	210	NKH	LUC	151,4		151,4	
				TĐ-09/2024	211	NKH	LUC	52,1		52,1	
Tổng cộng:								278.505,2	1.022,8	279.528,0	